

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày 07/12/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Liễu và bà Tạ Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biển – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2021/TLST – DS ngày 25 tháng 5 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L (tên gọi khác là T), sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ dân phố x, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thùy T, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Người làm chứng: Bà Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1961. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố v, thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Trước đây bà T có chơi hội chỗ tôi, do bà T hốt hội trước khi đóng nên có nợ tôi tổng cộng là 104.700.000 đồng. Sau đó bà T không đóng tiền hội cho tôi mà cứ khất mãi nên vào ngày 31/7/2020 (âm lịch) bà Huỳnh Thị Thùy T ghi giấy mượn tiền tôi số tiền 104.700.000 đồng. Có hẹn tôi đến ngày 20/9/2020 (âm lịch) trả 40.000.000

đồng, phần còn lại trả trong 02 đợt đến cuối tháng 11/2020 (âm lịch) trả đủ. Nhưng đến hạn thì bà T không trả cho tôi như đã cam kết, mặc dù tôi đã đi đòi nhiều lần.

Nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện K buộc bà Huỳnh Thị Thùy T phải trả cho tôi số tiền nợ gốc 104.700.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu bảy trăm nghìn đồng). Tôi không yêu cầu tính lãi.

Trong giấy mượn tiền ngày 31/7/2020 bà Huỳnh Thị Thùy T ghi mượn tiền của tôi thì bà T có ghi là mượn của chị Hoàng Thị T số tiền 104.700.000 đồng, thì tên Hoàng Thị T này cũng chính là tên tôi Hoàng Thị L, T là tên thường gọi ở nhà của tôi, được mọi người đều biết.

2. Đối với bị đơn là bà Huỳnh Thị Thùy T đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà Huỳnh Thị Thùy T cố tình trốn tránh, không có mặt. Nên không có bản tự khai, trình bày hay ý kiến gì trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa.

3. Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án.

Phần nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm là:

Căn cứ vào chứng cứ, các lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án khẳng định giữa bà L và bà T có xác lập giấy nhận tiền bằng văn bản cụ thể là giấy mượn tiền có nội dung: Huỳnh Thị Thùy T mượn của chị Hoàng Thị T (L) số tiền 104.700.000đ, tiền hui chuyển qua có sự hiện diện của chị Ngọc G, hạn đến 20/9/2020 trả 40.000.000đ, phần tiền còn lại trả trong 02 đợt, đến cuối tháng 11/2020 hoàn trả đủ. Giấy mượn tiền trên có chữ ký của bà T.

Lời khai người làm chứng bà Trần Thị Ngọc G khẳng định trước đó bà T chơi hui chỗ bà G, bà T hốt hui trước khi đóng nên có nợ tiền hui của bà L tổng cộng là 104.700.000đ như lời trình bày của bà L là có thật.

Như vậy, việc bà T xác lập giao dịch dân sự với bà L là có thật, các bên đã thỏa xác lập hợp đồng vay tài sản xác định thời hạn trả nợ. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 của BLDS năm 2015 (Sau đây gọi tắt là BLDS). Do vậy bà L có quyền đòi bà T khi đã hết kỳ hạn. Mặc dù bà L đòi nhiều lần, nhưng bà T không chịu trả. Do vậy bà L khởi kiện buộc bà T trả nợ số tiền là 104.700.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX: Căn cứ các Điều 463, 466, 470, 471 của BLDS

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS năm 2015 (Sau đây gọi tắt là BLTTDS) và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị L, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy T phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay là 104.700.000 đồng. Bà Huỳnh Thị Thùy T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ nợ tiền hui, nhưng các đương sự đã thống nhất chuyển thành tiền vay nên đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS và nguyên đơn bà Hoàng Thị L khởi kiện bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy T có nơi cư trú tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý và giải quyết vụ án là đúng về quan hệ pháp luật của vụ án và thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy T không đến Tòa án để viết bản tự khai, không tham gia các phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa và các hoạt động tố tụng khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc bà Huỳnh Thị Thùy T nhận được các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình và còn gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX chỉ căn cứ vào kết quả của việc hỏi nguyên đơn tại phiên tòa và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để quyết định. Bà Huỳnh Thị Thùy T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào chứng cứ “Giấy mượn tiền” lập ngày 31/7/2020, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định việc bà T đã tự nguyện thỏa thuận xác lập hợp đồng vay tài sản với bà L số tiền là 104.700.000 đồng, các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có hạn trả ngày 20/9/2020 là 40.000.000 đồng, số còn lại trả trong 02 đợt đến cuối tháng 11/2020 trả hết. Nhưng đến hạn thì bà T đã không trả nợ cho bà L như đã thỏa thuận và hiện nay cũng chưa trả. Nguyên đơn và bị đơn không phản đối tình tiết này. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của BLTTDS, HĐXX công nhận tình tiết này là sự thật.

Xét hợp đồng trên là một hợp đồng dân sự được giao kết hợp pháp, nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Khi đến thời hạn trả nợ cho bà L nhưng bà T không thực hiện việc trả nợ tiền cho

bà L (mặc dù bà L đã thông báo và đến đòi nhiều lần) là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết được quy định tại các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 351, 357 của BLDS. Nên việc khởi kiện của nguyên đơn bà L là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về lãi suất: bà L không yêu cầu nên HĐXX không đề cập đến.

Trong “Giấy mượn tiền” ngày 31/7/2020 thì bà T có ghi “ ..Nay tôi có mượn của chị: Hoàng Thị T: số tiền là 104.700.000 (Một trăm lẻ bốn triệu bảy trăm)...” thì tên bà Hoàng Thị T trong “Giấy mượn tiền” này cũng chính là bà Hoàng Thị L. Thoa là tên thường gọi ở nhà của bà L đã được người làm chứng là bà Trần Thị Ngọc G chứng kiến tại thời điểm bà T ghi giấy nợ tiền của bà L công nhận và chính quyền địa phương xác nhận (Bút lục 23 và 25).

Từ đánh giá và nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy T phải trả cho nguyên đơn bà Hoàng Thị L số tiền nợ gốc là 104.700.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

[4] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà L được chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của BLTTDS;

- Căn cứ vào các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 351, 357, 463, 466 và Điều 470 của BLDS.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị L (tên gọi khác là Hoàng Thị T).

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Hoàng Thị L số tiền nợ gốc là 104.700.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại

Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là $104.700.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.235.000 \text{ đồng}$ (Năm triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Hoàng Thị L số tiền đã tạm nộp trước đây là 2.617.500 đồng (Hai triệu sáu trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0007695 ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/12/2021), bị đơn bà Huỳnh Thị Thùy T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA TAND t. Gia Lai;
- VKSND h. K;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS h. K;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toàn